TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lương

Ông Hoàng Đắc Hân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị G, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện TN (nay tổ dân phố T, phường Đ, thành phố TN), thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Q, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện TN (nay tổ dân phố T, phường Đ, thành phố TN), thành phố Hải Phòng. Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị G trình bày:

Chị kết hôn với anh Q vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn T, xã Đ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q có hành vi hiếp dâm con gái riêng của chị G và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 năm tù về tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi. Hiện nay anh Q đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Thùy Chi sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020. Khi ly hôn chị G yêu cầu Toà án giải quyết giao con chung tên Vũ Thùy Chi sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 01 năm 2025 bị đơn là anh Q trình bày:

Anh kết hôn với chị G trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 5 năm 2019. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ạnh Q đã có hành vi vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 năm tù. Nay chị G xin ly hôn anh Q, anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên C sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị G. Khi ly hôn anh Q đồng ý để chị G trực tiếp nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị G và bị đơn anh Q đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; .điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị G. Về hôn nhân: Cho chị G được ly hôn anh Q. Về con chung: Giao con chung tên C sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự

thay đổi theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị G và bị đơn là anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị G và bị đơn là anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 5 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị G và anh Q chung sống với nhau tại thôn T, xã Đ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chị G và anh Q chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q có hành vi hiếp dâm con gái riêng của chị G. Nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q, anh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G. Do anh Q đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình vợ chồng chị G và anh Q chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q có hành vi hiếp dâm con gái riêng của chị G. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa chị G và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G về việc xin ly hôn anh Q, cho chị G được ly hôn anh Q.

[3] Về con chung: Chị G và anh Q có 01 con chung tên C sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020. Khi ly hôn chị G yêu cầu Toà án giải quyết giao con chung tên Vũ Thùy Chi sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q đồng ý để chị G trực tiếp nuôi con chung tên C sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, giao con chung tên C sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị G trình bày vợ chồng có không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Cho chị G được ly hôn anh Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên C sinh ngày 25 tháng 9 năm 2020 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010210 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN), thành phố Hải Phòng, chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố TN;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thành phố TN;
- UBND phường Đ, thành phố TN, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hiền